

**Biểu số 01**

**ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MN NĂM 2024  
THỰC HIỆN CƠ CHẾ THÍ ĐIỂM THEO NGHỊ QUYẾT 193/NQ-HĐND NGÀY 11/7/2024 CỦA HĐND TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Báo cáo số 49/BC-BKTXH ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Ban KTXH, HĐND huyện Tuần Giáo)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao năm 2024				Địa điểm	Tổng MDT (dự kiến)	Số tiền điều chỉnh		Lý do điều chỉnh (tăng, giảm)	Ghi chú	
		Tổng cộng	Năm 2024		Nguồn năm 2023 chuyển sang			NSTW	NSDP			
			NSTW	NSDP	NSTW							NSDP
<b>1</b>	<b>Điều chỉnh giảm vốn sự nghiệp</b>	<b>20.535,494820</b>	<b>2.664,000</b>		<b>17.871,494820</b>			<b>17.619,831</b>				
1	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt</b>	<b>133,000</b>			<b>133,000</b>			<b>133,000</b>				
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề)	133,000			133,000			133,000		Không có nội dung chi		
	Trung tâm GDNN-GDTX	133,000			133,000			133,000				
<b>2</b>	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&amp;MN và các đơn vị sự nghiệp công nghiệp của lĩnh vực</b>	<b>73,000</b>			<b>73,000</b>			<b>0,073</b>				
-	Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN (sự nghiệp kinh tế)	73,000			73,000			0,073				
	UBND xã Quài Tờ	73,000			73,000			0,073		Hết nhiệm vụ chi		
<b>3</b>	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>	<b>18.638,956</b>	<b>2.580,000</b>		<b>16.058,956</b>			<b>16.180,420</b>				
-	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN(sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề)	2.147,724	232,000		1.915,724			1.827,420				
	Trung tâm GDNN-GDTX	2.147,724	232,000		1.915,724			1.827,420		Không còn đối tượng		
-	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN (sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề)	16.491,232	2.348,000		14.143,232			14.353,000		Không còn đối tượng		
	+ Trung tâm GDNN- GDTX	15.163,232	2.348,000		12.815,232			13.025,000				
	+ Phòng Lao động - TBXH	1.328,000			1.328,000			1.328,000				
<b>4</b>	<b>Dự án 8: Thực hiện bình đẳng và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em</b>	<b>789,000</b>			<b>789,000</b>			<b>789,000</b>				
-	Sự nghiệp kinh tế	789,000			789,000			789,000		Không có nội dung chi		
	Xã Phình Sáng	44,000			44,000			44,000				
	Xã Rạng Đông	43,000			43,000			43,000				
	Xã Ta Ma	43,000			43,000			43,000				
	Xã Pú Nhung	45,000			45,000			45,000				
	Xã Quài Nưa	44,000			44,000			44,000				
	Xã Quài Tờ	45,000			45,000			45,000				
	Xã Quài Cang	45,000			45,000			45,000				

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao năm 2024				Địa điểm	Tổng MDT (dự kiến)	Số tiền điều chỉnh		Lý do điều chỉnh (tăng, giảm)	Ghi chú	
		Tổng cộng	Năm 2024		Nguồn năm 2023 chuyển sang			NSTW	NSDP			
			NSTW	NSDP	NSTW							NSDP
	Xã Pú Xi	43,000			43,000			43,000				
	Xã Tỏa Tinh	45,000			45,000			45,000				
	Xã Tênh Phông	43,000			43,000			43,000				
	Xã Chiềng Sinh	43,000			43,000			43,000				
	Xã Chiềng Đông	45,000			45,000			45,000				
	Xã Nà Tông	43,000			43,000			43,000				
	Xã Mùn Chung	43,000			43,000			43,000				
	Xã Mường Khong	43,000			43,000			43,000				
	Xã Nà Sáy	43,000			43,000			43,000				
	Xã Mường Thín	44,000			44,000			44,000				
	Xã Mường Mùn	45,000			45,000			45,000				
5	<b>Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn</b>	<b>751,870820</b>			<b>751,870820</b>			<b>367,670</b>				
-	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển KT-XH các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù (sự nghiệp văn hóa thông tin)	191,000			191,000			191,000		Không còn đối tượng		
	Phòng Dân tộc	191,000			191,000			191,000				
-	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (đảm bảo xã hội)	560,870820			560,870820			176,670		Không còn đối tượng, xã không có báo cáo viên để thực hiện tuyên truyền		
	+ Đảm bảo xã hội	560,870820			560,870820			176,670				
	Phòng Dân tộc	560,870820			560,870820			112,670				
	UBND xã Rạng Đông							64,000				
6	<b>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&amp;MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</b>	<b>149,668</b>	<b>84,000</b>		<b>65,668</b>			<b>149,668</b>				
-	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (sự nghiệp văn hóa thông tin)	46,000	46,000					46,000				
	UBND xã Rạng Đông	46,000	46,000					46,000		Trả lại vì xã không thực hiện được		
-	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sự nghiệp văn hóa thông tin)	1,668			1,668			1,668		Năm 2024 không giao, 1,668 triệu đồng chuyển nguồn, không thực hiện được Nội dung TDA		
	Phòng Văn hóa và Thông tin	1,668			1,668			1,668				
-	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình (sự nghiệp kinh tế)	102,000	38,000		64,000			102,000				
	UBND xã Rạng Đông	51,000	19,000		32,000			51,000		không có khả năng thực hiện được		

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao năm 2024				Địa điểm	Tổng MDT (dự kiến)	Số tiền điều chỉnh		Lý do điều chỉnh (tăng, giảm)	Ghi chú	
		Tổng cộng	Năm 2024		Nguồn năm 2023 chuyển sang			NSTW	NSDP			
			NSTW	NSDP	NSTW							NSDP
	UBND xã Chiềng Đông	51,000	19,000		32,000			51,000		không có khả năng thực hiện được		
<b>II</b>	<b>Điều chỉnh tăng</b>						<b>53.200,000</b>	<b>17.619,831</b>				
<b>II.1</b>	<b>Duy tu, sửa chữa các công trình sau đầu tư, các công trình bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt, sạt lở đất</b>						<b>53.200,000</b>	<b>17.504,659</b>				
*	<b>Ban quản lý dự án và PTQĐ</b>						<b>27.500,0</b>	<b>8.700,0</b>				
1	Duy tu, sửa chữa tuyến đường khu vực bản Nà Sáy - bản Pa Cá					Xã Nà Sáy	4.500,0	1.500,0				
2	Duy tu, sửa chữa đường Phiêng Pi - Trung Đình xã Pú Nhung					Xã Pú Nhung	3.000,0	1.000,0				
3	Duy tu, sửa chữa tuyến đường từ bản Báng sán - Bản Biếng - Bông Ban - bản Đưa - Ёn Pậu - Mỏn - Hới Nọ - Hới Trong xã Quài Tở					Xã Quài Tở	10.000,0	3.000,0				
4	Duy tu sửa chữa đường Mường Thín - Mường Mùn (GD2)					Xã Mường Thín, xã Mường Mùn	10.000,0	3.200,0				
*	<b>Phòng Giáo dục và Đào tạo</b>						<b>12.500,0</b>	<b>4.400,0</b>				
1	Duy tu, sửa chữa trường THCS Quài Cang					Xã Quài Cang	2.500	900,0				
2	Duy tu, sửa chữa trường TH&THCS Nà Sáy					Xã Nà Sáy	2.500	900,0				
3	Duy tu, sửa chữa trường PTDTBT TH&THCS Tênh Phông					xã Tênh Phông	2.000	700,0				
4	Duy tu, sửa chữa trường TH Phình Sáng					Xã Phình Sáng	2.500	900,0				
5	Duy tu, sửa chữa trường Mầm non Họa Mì					Xã Quài Tở	3.000	1.000,0				
*	<b>Phòng Kinh tế và Hạ tầng</b>						<b>13.200,0</b>	<b>4.404,659</b>				
1	Duy tu, Sửa chữa đường bản Bó - bản Nôm Chăn					Chiềng Đông	2.700	1.100				
2	Duy tu, Sửa chữa các tuyến đường xã Tỏa Tình					Tỏa Tình	5.000	1.700				
3	Duy tu, Sửa chữa các tuyến đường xã Tênh Phông, Quài cang, Quài Nưa, Pú Nhung, Phình Sáng					Tênh Phông	3.000	800				
4	Duy tu, Sửa chữa đường Xã Pú xi, Mường mùn, Mùn Chung, Rạng đồng,					Pú Xi, Mường Mùn, Mùn Chung	2.500	804,659				
<b>II.2</b>	<b>Vốn sự nghiệp</b>							<b>115,172</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&amp;MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</b>							<b>115,172</b>				
-	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (sự nghiệp văn hóa thông tin)							<b>115,172</b>				
*	Phòng Dân tộc:							<b>115,172</b>				
	Kinh phí tham gia Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc tại tỉnh Điện Biên năm 2024							115,172				

Biểu số 02

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2024 CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Báo cáo số 49/BC-BKTXH ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Ban KTXH, HĐND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã giao		KH điều chỉnh trung hạn		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn năm 2024 đã giao	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW	Tăng	Giảm			Tăng	Giảm		
	<b>TỔNG SỐ</b>		36.822	35.726	35.726	35.726	0	0	0	14.040	4.500	4.500	14.040	
I	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi		36.822	35.726	35.726	35.726	0	0	0	14.040	4.500	4.500	14.040	
*	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		8.822	8.381	8.381	8.381	0	0	0	3.000	0	3.000	0	
1	Dự án bố trí dân cư vùng có nguy cơ thiên tai đến định cư tại khu Á Lệnh, xã Phình Sáng, huyện Tuần Giáo	174/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	8.822	8.381	8.381	8.381				3.000		3.000	0	Chờ dự án Đường từ bản Phiêng Hoa - Á Lệnh, xã Phình Sáng xong thì mới có đường để vận chuyển vật liệu vào để thi công
*	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công nghiệp của lĩnh vực		28.000	27.345	27.345	27.345	0	0	0	11.040	4.500	1.500	14.040	
	<b>Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024</b>													
1	Điểm trường mầm non + Tiểu học khu TĐC Á Lệnh xã Phình Sáng	112/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	3.300	3.135	3.135	3.135				1.500		1.500	0	Chờ dự án Đường từ bản Phiêng Hoa - Á Lệnh, xã Phình Sáng xong thì mới có đường để vận chuyển vật liệu vào để thi công
2	Nhà văn hóa xã Nà Tông	113/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	3.200	3.040	3.040	3.040				1.000	1.500		2.500	
3	Nhà văn hóa xã Rạng Đông	108/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	3.600	3.420	3.420	3.420				2.040	500		2.540	
4	Nhà văn hóa xã Ta Ma	116/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	3.000	2.850	2.850	2.850				1.500	500		2.000	
5	Đường vào khu dân cư Huổi Máu, xã Mường Khong	107/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	14.900	14.900	14.900	14.900				5.000	2.000		7.000	

Biểu số 03

**ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 (KÉO DÀI SANG NĂM 2023) CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI ĐƯỢC CHUYỂN SANG NĂM 2024 THEO QUY ĐỊNH CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 108/2023/QH15 NGÀY 29 THÁNG 11 NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số 49/BC-BKTXH ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Ban KTXH, HĐND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đã giao năm 2022				Điều chỉnh kế hoạch năm 2022 (kéo dài sang năm 2023)		Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	trong đó:			Tăng	Giảm	Tổng số	trong đó: Kế hoạch vốn năm 2022 (kéo dài sang năm 2023) sau điều chỉnh được chuyển sang năm 2024	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023	Giải ngân vốn kéo dài đến 31/12/2023	Vốn năm 2022 kéo dài sang 2023 được chuyển sang năm 2024					
*	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		52.071,0	31.102,9	23.998,0	7.008,3	5.140,3	1.868,0	1.721,0	1.721,0	1.868,0	1.868,0	
1	Đường từ bản Hồng Lực xã Nà Sáy - bản Co Đũa xã Mường Khong	Số 53/QĐ-UBND ngày 14/01/2021	12.000,0	2.000,0	2.000,0	728,9	102,2	626,6		572,6	54,0	54,0	Thừa vốn
2	Trụ sở xã Mường Khong	Số 111/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	14.900,0	14.155,0	14.155,0	3.934,9	3.367,2	567,7		567,7	0,0	0,0	Thừa vốn
3	Đường giao thông bản Yên - Thăm Xã xã Mường Thín (giai đoạn 2)	Số 113/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	5.900,0	5.900,0	5.900,0	2.208,0	1.670,8	537,2		537,2	0,0	0,0	Thừa vốn
4	Nhà văn hóa bản Lối xã Quài Tở	Số 112/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	1.950,0	1.850,0	1.850,0	43,6	0,0	43,6		43,6	0,0	0,0	Thừa vốn
5	Nhà văn hóa xã Mường Khong	Số 152/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	2.300,0	2.276,9	93,0	93,0	0,0	93,0			93,0	93,0	Thừa vốn
6	Đường Trung tâm xã Tênh Phông (Km1+967) - bản Thăm Nặm, huyện Tuần Giáo	Số 1491/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	14.000,0	3.900,0					700,0		700,0	700,0	Dự án thiếu vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
7	Đường bản Che Phai 2 xã Chiềng Sinh		1.021,0	1.021,0					1.021,0		1.021,0	1.021,0	Bổ sung danh mục để sử dụng hết nguồn vốn thừa của 04 dự án trên